

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2025
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Ngọc Duyên
- Bà Trần Thị Mộng Lành

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Huỳnh Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 126/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Quảng Trọng L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang (Nay là Tổ F, ấp T, phường T, tỉnh An Giang; thời gian tới cư trú: ấp C, xã V, tỉnh An Giang).

2. **Bị đơn:** Chị Trần Thị M, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1981 (vắng mặt);

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Trần Văn B, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1952 (vắng mặt);

- Bà Ngô Thị T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1954 (vắng mặt);

- Anh Quảng Trọng L1, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1999 (vắng mặt);

- Anh Quảng Trọng Q, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2009 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là Khu phố Đ, xã A, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 12/7/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Quảng Trọng L trình bày và yêu cầu như sau:*

Năm 1998, anh và chị Trần Thị M quen biết và yêu thương nhau, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang ngày 25 tháng 9 năm 2002. Thời gian chung sống, anh và chị Trần Thị M có 02 người con chung tên: Quảng Trọng L1, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1999 và Quảng Trọng Q, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2009, hiện nay người con chung tên Quảng Trọng L1 đã thành niên, người con chung tên Quảng Trọng Q từ khi anh và chị Trần Thị M ly thân đến nay sống chung với ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị T1 (ông bà ngoại của Quảng Trọng Q); về tài sản chung, anh và chị Trần Thị M chuyển nhượng được hai thửa đất và cất 01 căn nhà. Thửa thứ nhất, loại đất vườn tạp, cặp Quốc lộ F, tọa lạc tại thị trấn T, huyện A, diện tích khoảng 510 mét vuông (chiều ngang 8,5 mét x chiều dài khoảng 60 mét), đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng (anh không nhớ ngày tháng năm được cấp), chị Trần Thị M đứng tên sở hữu, trị giá khoảng 150.000.000 đồng. Thửa thứ hai, loại đất vườn tạp, cặp Quốc lộ F, tọa lạc tại thị trấn T huyện A, diện tích khoảng 360 mét vuông (chiều ngang 06 mét x chiều dài khoảng 60 mét), đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng (anh không nhớ ngày tháng năm được cấp), ông Trần Văn B1 (cha vợ của anh) đứng tên sở hữu, trị giá khoảng 100.000.000 đồng. Tổng giá trị 02 thửa đất khoảng 250.000.000 đồng, anh yêu cầu giải quyết chia đôi anh 01 thửa đất, chị Trần Thị M 01 thửa đất, hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ anh là chị Trần Thị M đang giữ nên chưa cung cấp cho Tòa án được. Nhà: 01 căn nhà cấp 04 vách tường, mái lợp tôn đang hiện hữu trên thửa đất có diện tích 195 mét (ngang khoảng 13 mét x dài khoảng 15 mét). Nay về quan hệ hôn nhân, anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị M. Về quan hệ con chung, anh yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Quảng Trọng Q, nếu con có nguyện vọng tiếp tục chung sống với ông Trần Văn B thì anh đồng ý giao người con chung tên Quảng Trọng Q cho ông Trần Văn B tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị tên Quảng Trọng Q, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi Quảng Trọng Q tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng hàng tháng vào ngày 28/7/2025. Về tài sản chung, anh rút lại yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, anh tự nguyện giao

toàn bộ tài sản 02 thửa đất và 01 căn nhà nói trên cho các con của anh tên: Quảng Trọng L1 và Quảng Trọng Q tự định đoạt, quản lý sử dụng. Về nợ, anh tự xác định không có, anh không yêu cầu giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B trình bày như sau:*

Việc vợ chồng anh Quảng Trọng L và chị Trần Thị M chung sống hoặc ly hôn ông không có ý kiến, ông xác định, trước đây ông không nhớ ngày tháng năm, ông có cho chị Trần Thị M đứng tên quyền sử dụng đất 02 diện tích đất và 01 căn nhà anh Quảng Trọng L trình bày trên là đúng, hiện nay vợ chồng ông đang chung sống trên đất và căn nhà nói trên, giấy tờ đất ông không biết hiện nay ở đâu. Ông không yêu cầu giải quyết gì cho ông, mà ông cùng bà Ngô Thị T đã lớn tuổi, không làm gì có thu nhập, tiếp tục sinh sống trong căn nhà nói trên cho đến khi trăm tuổi. Người con chung của anh Quảng Trọng L và chị Trần Thị M tên Quảng Trọng Quang V chung sống với ông từ trước đến nay, có nguyện vọng tiếp tục chung sống với ông thì ông tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, tự lao động sinh sống được, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

** Tại Văn bản trình bày nguyện vọng ngày 27 tháng 6 năm 2025 của anh Quảng Trọng Quang V trình bày như sau:*

Quảng Trọng Quang V là con của anh Quảng Trọng L, địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang và chị Trần Thị M, địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, từ khi cha và mẹ của Quảng Trọng Q không chung sống với nhau thì Quảng Trọng Quang V sống chung với ông ngoại là ông Trần Văn B, địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Khi cha mẹ của Quảng Trọng Q ly hôn, Quảng Trọng Q có nguyện vọng chung sống với ông ngoại là ông Trần Văn B, địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang và cam kết lời trình bày của Quảng Trọng Quang V là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình.

** Tại các Biên bản xác minh ngày 14 tháng 01 năm 2022 và ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang như sau:*

Anh Quảng Trọng L và chị Trần Thị M có xác lập hôn nhân sinh sống, làm việc tại: Khu phố Đ, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, anh chị chung sống hạnh phúc được 01 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, về nguyên nhân mâu thuẫn thì không rõ; thời gian anh chị chung sống có 02 người con chung tên Quảng Trọng L1 và Quảng Trọng Q hiện nay đang sống với chị Trần Thị M. Hiện nay chị Trần Thị M và Q L1 đi làm thường xuyên vắng mặt tại nhà.

* *Bị đơn chị Trần Thị M:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị Trần Thị M biết để chị có ý kiến về việc anh Quảng T2 Lương yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn với chị nhưng chị Trần Thị M không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

* *Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Căn cước công dân tên Quảng Trọng L (Bản sao); Sổ hộ khẩu (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn anh Quảng Trọng L và chị Trần Thị M số: 282, quyền số: 03 ngày 25 tháng 9 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); 02 Giấy khai sinh Quảng Trọng L1, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1999 và Quảng Trọng Q, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2009 (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 10 tháng 02 năm 2019 của anh Quảng Trọng L (Bản chính); Tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 24 tháng 6 năm 2013 của chị Trần Thị M (Bản phô tô); Biên bản xác định ranh giới sử dụng đất ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện A, tỉnh Kiên Giang (Bản phô tô); Giấy cho chuộc đất thổ cư giữa ông Trần Văn B và ông Nguyễn Tấn H, không ghi ngày tháng năm (Bản phô tô); Biên nhận về việc nhận cọc sang bán đất ngày 05 tháng 9 năm 2014 giữa bà Nguyễn Ngọc H1 và chị Trần Thị M, bà Nguyễn Thị Đ (Bản phô tô); Giấy thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thu T3 và ông Trần Văn B (Bản phô tô); Văn bản thỏa thuận hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn B, bà Ngô Thị T, chị Trần Thị H2 và chị Trần Thị M ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại Văn phòng C số công chứng: 1574, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD (Bản phô tô); Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Văn bản trình bày nguyện vọng của anh Quảng Trọng Quang V, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2009 (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

* *Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn anh Quảng T2 Lương yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị M. Về quan hệ con con chung, anh yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Quảng Trọng Q, nếu con có nguyện vọng tiếp tục chung sống với ông Trần Văn B thì anh đồng ý giao người con chung tên Quảng Trọng Q cho ông Trần Văn B tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị tên Quảng Trọng Q, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi

con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi Quảng Trọng Q tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng hàng tháng vào ngày 28/7/2025; người con chung tên Quảng Trọng L1 hiện nay đã thành niên anh không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, anh rút lại yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, anh tự nguyện giao toàn bộ tài sản 02 thửa đất và 01 căn nhà nói trên cho các con của anh tên: Quảng Trọng L1 và Quảng Trọng Q tự định đoạt, quản lý sử dụng. Về nợ, anh tự xác định không có, anh không yêu cầu giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Trần Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B, bà Ngô Thị T, anh Quảng Trọng L1 và anh Quảng Trọng Quang V vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Quảng Trọng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trần Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B, bà Ngô Thị T, anh Quảng Trọng L1 và anh Quảng Trọng Quang V vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Quảng T2 Lường yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị M, yêu cầu được nuôi con chung tên Quảng Trọng Q là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Quảng T2 Lường được ly hôn với chị Trần Thị M, khi anh chị ly hôn giao người con chung của anh chị tên Quảng Trọng Q cho anh Quảng T2 Lường tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được. Về tài sản chung, anh rút lại yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, tự nguyện giao toàn bộ tài sản 02 thửa đất và 01 căn nhà nói trên cho các con của anh chị tên: Quảng Trọng L1 và Quảng Trọng Q tự định đoạt đề nghị đình chỉ xét xử phân chia tài sản chung. Về nợ, anh Quảng Trọng L tự xác định không có, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Quảng T2 Lường yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Trần Thị M, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn. Bị đơn chị Trần Thị M cư trú tại Khu phố Đ, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là Khu phố Đ, xã A, tỉnh An Giang) nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Khi khởi kiện anh Quảng T2 Lường yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là quyền sử dụng đất và nhà ông Trần Văn B, bà Ngô Thị T, anh Quảng Trọng L1 và anh Quảng Trọng Quang V đang ở nên Tòa án đưa ông Trần Văn B, bà Ngô Thị T, anh Quảng Trọng L1 và anh Quảng T2 Quang V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Trần Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T, anh Quảng Trọng L1 và anh Quảng T2 Quang V biết và ấn định thời gian để chị Trần Thị M, bà Ngô Thị T, anh Quảng Trọng L1 và anh Quảng Trọng Q có ý kiến về việc anh Quảng Trọng L2 khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung nhưng chị Trần Thị M, bà Ngô Thị T, anh Quảng Trọng L1 và anh Quảng T2 Quang Vinh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn chị Trần Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T, anh Quảng Trọng L1 và anh Quảng Trọng Quang V vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Trần Thị M, ông Trần Văn B, bà Ngô Thị T, anh Quảng Trọng L1 và anh Quảng Trọng Quang V nhưng chị Trần Thị M, ông Trần Văn B, bà Ngô Thị T, anh Quảng Trọng L1 và anh Quảng Trọng Q vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do; tại phiên tòa hôm nay, anh Quảng Trọng L không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Trần Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B, bà Ngô Thị T, anh Quảng Trọng L1 và anh Quảng T2 Quang Vinh theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, anh Quảng Trọng L và chị Trần Thị M chung sống với nhau vào năm 1998, anh chị đi đăng ký kết hôn tại cơ quan

Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang là nơi một trong những nơi anh chị cư trú*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 282, quyền số: 03 ngày 25 tháng 9 năm 2002, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của anh Quảng T2 Lường yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị M, quá trình chung sống anh và chị Trần Thị M sống rất hạnh phúc, khoảng 05 năm trở lại đây thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, do chị Trần Thị M có mối quan hệ với người đàn ông khác, nhiều lần anh khuyên nhủ, bỏ qua nhưng chị Trần Thị M không thay đổi và anh chị sống ly thân đến nay hơn 02 năm, anh thấy không còn tình cảm vợ chồng với chị Trần Thị M, anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị M; trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị M không ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc anh Quảng T2 Lường yêu cầu được ly hôn với chị. Hội đồng xét xử thấy rằng, anh Quảng Trọng L và chị Trần Thị M chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn cho đến năm 2021 thì sống ly thân đến nay nhưng anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Quảng Trọng L cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị M. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của anh Quảng Trọng L, cho anh Quảng T2 Lường được ly hôn với chị Trần Thị M là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, anh Quảng Trọng L và chị Trần Thị M có 02 người con chung tên: Quảng Trọng L1, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1999 và Quảng Trọng Q, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2009, hiện nay người con chung tên Quảng Trọng L1 đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết; người con chung của anh chị tên Quảng Trọng Q từ khi anh chị ly thân đến nay sống chung với ông Trần Văn B. Khi ly hôn anh Quảng T2 Lường yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Quảng Trọng Q, trường hợp con chung của anh chị có nguyện vọng chung sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con; chị Trần Thị M không có ý kiến yêu cầu gì; người con chung của anh chị tên Quảng Trọng Q có nguyện vọng tiếp tục chung sống với ông ngoại là ông Trần Văn B, đồng thời ông Trần Văn B cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng Quảng Trọng Q theo

nguyện vọng của Quảng Trọng Q. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua yêu cầu của anh Quảng Trọng L, trình bày ý kiến của ông Trần Văn B và Quảng Trọng Q đều xuất phát tình thương của cha dành cho con và của ông cháu giành cho nhau, nhưng xét về quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn thì vợ hoặc chồng nuôi dưỡng, trừ khi bị hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; đối với con chung của anh chị tên Quảng Trọng Q có nguyện vọng tiếp tục chung sống với ông ngoại là ông Trần Văn B thấy rằng ông Trần Văn B đã lớn tuổi, không có còn khả năng lao động và trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho Quảng Trọng Q. Do đó, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, sự tự nguyện anh Quảng Trọng L, ông Trần Văn B và nguyện vọng của con anh chị tên Quảng Trọng Q, giao người con chung của anh chị tên Quảng Trọng Q, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2009 cho anh Quảng T2 Lường được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp quy định tại Điều 71, Điều 72 và khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Quảng T2 Lường không yêu cầu chị Trần Thị M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, anh Quảng T2 Lường tự xác định, anh và chị Trần Thị M có 02 thửa đất và 01 căn nhà tọa lạc tại Khu phố Đ, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là Khu phố Đ, xã A, tỉnh An Giang), hiện nay ông Trần Văn B, bà Ngô Thị T và các con của anh chị tên Quảng Trọng L1 và Quảng Trọng Q đang sinh sống, anh rút lại yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, anh tự nguyện giao toàn bộ tài sản 02 thửa đất và 01 căn nhà nói trên cho các con của anh tên: Quảng Trọng L1 và Quảng Trọng Q sử dụng và định đoạt. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần rút lại yêu cầu khởi kiện của anh Quảng T2 Lường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 71, Điều 72, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 101 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Quảng T2 Lường được ly hôn với chị Trần Thị M.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn B, nguyện vọng của con chung anh chị tên Quảng Trọng Q và anh Quảng Trọng L, giao người con chung của anh chị tên: Quảng Trọng Quang V, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2009 cho anh Quảng T2 Lường được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Quảng T2 Lường không yêu cầu chị Trần Thị M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Anh Quảng Trọng L rút lại yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, anh tự nguyện giao toàn bộ tài sản 02 thửa đất và 01 căn nhà cho các con của anh chị tên: Quảng Trọng L1 và Quảng Trọng Q tự định đoạt sử dụng, anh chị không yêu cầu giải quyết nên đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của anh Quảng Trọng L.

5. Về nợ: Anh Quảng Trọng L tự xác định, anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh cam kết không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

6. Về án phí: Buộc anh Quảng Trọng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.875.000 đồng theo biên lai thu số 0004640 ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang). Anh Quảng Trọng L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chênh lệch là 6.575.000 đồng.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 28/7/2025. Đương vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Phong, tỉnh An Giang;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo